

Số :0708/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **8/7/2017**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	580	1.04%
2	BMP	140	0.87%
3	BVH	230	1.06%
4	CII	630	1.68%
5	CTD	110	1.85%
6	CTG	1,280	2.05%
7	DHG	160	1.46%
8	DPM	540	1.00%
9	FPT	1,460	5.87%
10	GAS	330	1.67%
11	GMD	520	1.73%
12	HPG	3,120	8.01%
13	HSG	720	1.59%
14	KBC	1,200	1.44%
15	KDC	420	1.48%
16	MBB	3,230	6.04%
17	MSN	1,760	6.04%
18	MWG	690	5.90%
19	NT2	300	0.69%
20	NVL	710	3.84%
21	PVD	650	0.81%
22	REE	640	1.97%
23	ROS	410	3.08%
24	SAB	330	6.51%
25	SBT	520	1.63%
26	SSI	1,090	2.31%
27	STB	4,400	4.48%
28	VCB	1,230	3.76%
29	VIC	2,870	10.26%

30	VNM	790	9.76%
----	-----	-----	-------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,244,479,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,245,935,602

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 1,456,602

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	63,030	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 8/7/2017	Kỳ này/This period 8/4/2017	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	81,000,000	81,000,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	12,490	12,380	110
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	1,009,207,837,321	1,004,575,520,208	4,632,317,113
của một lô ETF/per Creation Unit	1,245,935,602	1,240,216,692	5,718,910
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,459.35	12,402.16	57.19
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	810.53	808.79	1.74

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc/CEO